

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2019
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hải Đăng**

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2/. Ông Nguyễn Thanh Tiền

Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Mộng Nghi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 441/2018/TLST-HN ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp CM, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Chị Lê Thị A, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp CM, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh D có mặt tại phiên tòa, chị A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Lê Thị A cưới nhau vào khoảng năm 1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc, huyện Đông Hải vào ngày 16/4/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh Trần Văn D xác định: Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau khi cưới nhau được một thời gian thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Có lần vợ chồng anh cự cãi với nhau thì vợ

anh đã bỏ về nhà bên vợ ở đến nay. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên anh Trần Văn D yêu cầu xin được ly hôn với vợ anh là chị Lê Thị A

Về quan hệ con chung: anh Trần Văn D xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 03 người con chung tên Trần Thị Bích T, sinh năm 1998, Trần Chí T, sinh năm 2001 và Trần Bảo N, sinh năm 2013. Hiện nay 02 người con lớn đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân và đang ở với anh, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét; Còn người con tên Trần Bảo N đang sống với chị A, khi ly hôn anh đồng ý giao cho chị A nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Trần Văn D xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận. Khi ly hôn anh Trần Văn D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với chị Lê Thị A: Mặc dù chị A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị A vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị A theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật, riêng đối với bị đơn là chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa anh D và chị A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn với chị A là phù hợp.

Về nuôi con chung: Hiện nay 02 người con lớn của anh D và chị A là Trần Thị Bích T, sinh năm 1998, Trần Chí T, sinh năm 2001 đã trưởng thành, có khả năng tự lo lắng chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn anh D và chị A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người con tên Trần Bảo N, sinh năm 2013 thì hiện do chị A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chị A vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao người con tên Trần Bảo N, sinh năm 2013 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do anh D và chị A không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị A. Chị A có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị A có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

[2] Về nội dung vụ án: giữa anh D và chị A sống chung với nhau vào khoảng năm 1998, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phúc vào ngày 16/4/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh D đối với chị A thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh D và chị A lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Trong thời gian qua hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Đồng thời anh D cũng xác định hiện tại anh không còn tình cảm với chị A, anh không muốn hàn gắn với chị A nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía anh D xác định hiện tại anh đã không còn tình cảm gì với chị A, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh D và chị A là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị A là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Hiện nay 02 người con lớn của anh D và chị A là Trần Thị Bích T, sinh năm 1998, Trần Chí T, sinh năm 2001 đã trưởng thành, có khả năng tự

lo lắng chăm sóc cho bản thân, khi ly hôn anh D và chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người con tên Trần Bảo N, sinh năm 2013 thì hiện do chị A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chị A vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con, nên Hội đồng xét xử quyết định giao người con tên Trần Bảo Ngọc, sinh năm 2013 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Do anh D và chị A không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D. Xử cho anh Trần Văn D được ly hôn với chị Lê Thị A.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con người tên Trần Bảo N, sinh năm 2013 cho chị Lê Thị A được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Chị A không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: anh Trần Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00011474 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Trần Văn D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện ĐH
- THA huyện ĐH
- UBND xã AP
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng